TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2020
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Sang;**

2. Ông **Tôn Phước Thuận.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988. địa chỉ: ấp AT, xã h, huyện CM, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng VănS, sinh năm 1981. địa chỉ: ấp AT, xã h, huyện CM, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh S do mai mối được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung không hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không tình cảm, bất đồng quan điểm sống, hay cự cải, anhS không lo làm ăn, cờ bạc, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi, anh chị không còn chung sống từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anhS.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo TR, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2009, Đặng Hoài Triệu, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2013. Hiện cháu TR, cháu Triệu đang sống chung với anhS. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anhS được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu TR cháu Triệu, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho anh Đặng VănS đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anhS vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện anh Đặng Văn S cư trú ấp AT, xã h, huyện CM, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đặng VănS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anhS.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị T và anh S sống chung với nhau vào năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anhS không lo làm ăn, cờ bạc. Chị và anhS không còn sống chung từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị T, anhS không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anhS, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…." Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thảo TR, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2009, Đặng Hoài Triệu, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2013. Hiện nay cháu TR, cháu Triệu sống chung với anhS. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu TR, nhưng không ghi nhận được ý kiến của cháu. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị T cũng đồng ý để anhS được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu TR, cháu Triệu, anhS không có ý kiến phản đối. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu TR, cháu Triệu sống ổn định với anhS vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Triệu, cháu TR cho anhS tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định

tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bích T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh Đặng VănS cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anhS thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Đặng VănS.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 28.4.2014 của Ủy ban nhân dân xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Đặng VănS được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thảo TR, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2009, Đặng Hoài Triệu, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2013. Chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng VănS cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản chị Nguyễn Thị Bích T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anhS trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007913 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Bích T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn